

Số: **2084** /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **27** tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán Đo đạc, chỉnh lý bản đồ
địa chính huyện Trà Cú, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật đo đạc bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 04/5/2021;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 31/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 541/TTr-STNMT ngày 21/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính huyện Trà Cú, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính huyện Trà Cú, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

2. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Cơ quan tư vấn lập dự án: Liên danh Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc Vệ Hưng và Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên (Liên danh Vệ Hưng - Long Phúc Kiên).

4. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn huyện Trà Cú và thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

5. Mục tiêu:

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống bản đồ và hồ sơ địa chính để đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về đất đai theo hướng hiện đại hóa.

- Chuẩn hóa lập lại bộ hồ sơ địa chính lưu trữ ở các cấp theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.

- Chỉnh lý các biến động trên nền bản đồ địa chính đã pháp lý hóa theo hiện trạng thực tế và hoàn chỉnh hệ thống bản đồ địa chính đồng bộ với hệ thống số bộ địa chính nhằm mục đích thống nhất việc quản lý đất đai ở các cấp theo quy định của luật đất đai hiện hành.

- Cập nhật, chỉnh lý bổ sung bản đồ địa chính là để đảm bảo các yếu tố nội dung bản đồ phù hợp với hiện trạng sử dụng, quản lý đất đai ở cấp xã, cấp huyện, tỉnh và phù hợp với hồ sơ địa chính.

- Phản ánh chính xác và kịp thời hiện trạng sử dụng đất đai từ đó đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của người sử dụng đất.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đăng ký đất đai, cấp mới và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người dân (khi có nhu cầu);

- Làm cơ sở để thống kê, kiểm kê đất đai; phục vụ cho phân hạng, định giá đất; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khai thác tiềm năng quỹ đất, cung cấp các thông tin về đất đai phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội.

- Xây dựng hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu quản lý đất đai nhằm tạo điều kiện nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý Nhà nước, cải cách thủ tục hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai, kết nối hệ thống thông tin đất đai vào mạng thông tin quản lý hành chính của tỉnh, mạng thông tin đất đai quốc gia và kết nối với các mạng thông tin chuyên ngành.

- Sau khi đo đạc xong dữ liệu thuộc tính của bản đồ địa chính mới sẽ được tổng hợp, so sánh từng thửa đất so với dữ liệu thuộc tính VBDLIS, đồng thời sẽ chuyển đổi để tích hợp vào dữ liệu VBDLIS; việc chuyển đổi dữ liệu phải đảm bảo không trùng lặp công việc thực hiện giữa VBDLIS và Thiết kế kỹ thuật - Dự toán huyện Trà Cú và thị xã Duyên Hải.

6. Các nội dung chính

6.1. Xây dựng lưới địa chính

Tổng số điểm địa chính cần xây dựng mới: 23 điểm, gồm:

TT	Tên đơn vị HC	ĐVT	Số lượng
A	Huyện Trà Cú	Điểm	15
1	xã Phước Hưng	Điểm	1
2	xã Tập Sơn	Điểm	1
3	xã Tân Sơn	Điểm	1
4	xã An Quảng Hữu	Điểm	1
5	xã Lưu Nghiệp Anh	Điểm	1
6	xã Ngãi Xuyên	Điểm	1
7	xã Thanh Sơn	Điểm	1
8	xã Hàm Giang	Điểm	1
9	xã Hàm Tân	Điểm	1
10	xã Đại An	Điểm	1
11	xã Định An	Điểm	1
12	xã Ngọc Biên	Điểm	2
13	xã Tân Hiệp	Điểm	2
B	Thị xã Duyên Hải	Điểm	8
1	Phường 1	Điểm	2
2	Phường 2	Điểm	2
3	xã Long Toàn	Điểm	1
4	xã Dân Thành	Điểm	2
5	xã Hiệp Thạnh	Điểm	1

6.2. Do đặc bản đồ địa chính

TT	Tên đơn vị HC	Tổng diện tích đo vé	Tỷ lệ 1/500	Tỷ lệ 1/1000	Tỷ lệ 1/2000	Tỷ lệ 1/5000	Diện tích đo vé bản đồ (ha)			
							1	2	3	4
A	Huyện Trà Cú	31.421,31	27,28	3.474,72	361,94	27.557,37				
1	Thị trấn Định An	498,98	27,28	109,76	361,94	-				
2	Xã Phước Hưng	3.228,40	-	441,28	-	2.787,12				
3	Xã Tập Sơn	1.963,94	-	206,29	-	1.757,65				
4	Xã Tân Sơn	1.541,85	-	171,04	-	1.370,81				
5	Xã An Quảng Hữu	2.546,47	-	366,50	-	2.179,97				
6	Xã Lưu Nghiệp Anh	2.911,25	-	408,12	-	2.503,13				
7	Xã Ngãi Xuyên	2.008,75	-	80,05	-	1.928,70				
8	Xã Kim Sơn	2.311,25	-	180,90	-	2.130,35				
9	Xã Thanh Sơn	1.423,84	-	198,40	-	1.225,44				
10	Xã Hầm Giang	1.603,07	-	291,56	-	1.311,51				
11	Xã Hầm Tân	2.147,77	-	176,86	-	1.970,91				
12	Xã Đại An	1.284,76	-	226,01	-	1.058,75				
13	Xã Định An	1.439,07	-	135,44	-	1.303,63				
14	Xã Ngọc Biên	2.453,53	-	197,75	-	2.255,78				
15	Xã Long Hiệp	1.586,40	-	164,86	-	1.421,54				
16	Xã Tân Hiệp	2.471,98	-	119,90	-	2.352,08				
B	Thị xã Duyên Hải	10547,95	12,32	1.105,52	-	9.430,11				
1	Phường 1	1.287,88	12,32	386,20	-	889,36				
2	Xã Dân Thành	2.545,82	-	310,01	-	2.235,81				
3	Xã Trường Long Hòa	4.163,43	-	327,41	-	3.836,02				
4	Xã Hiệp Thành	2.550,82	-	81,90	-	2.468,92				

6.3. Do đặc chỉnh lý biên động bản đồ địa chính

Đơn vị hành chính	ĐVT	Tỷ lệ 1/500	Tỷ lệ 1/1000	Tỷ lệ 1/2000	Tỷ lệ 1/5000
		Ha	171,45	-	-
Thị trấn Trà Cú	Thửa	970	784	-	-
	Ha	126,31	171,45	-	-
Phường 2	Thửa	-	431	727	611
	Ha	-	95,4	172,33	889,27
Xã Long Toàn	Thửa	-	48,74	223,78	2.749,28
	Ha	-	272	471	1.258
Xã Long Hữu	Thửa	-	20,79	441	2.808,31
	Ha	-	133	1.258	1.506

Khối lượng

6.4. Cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính

TT	Đơn vị, hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng tổng	Huyện Trà Cú	Thị xã Duyên Hải
1	Thu thập tài liệu, dữ liệu	thửa	174.371	135.288	39.083
2	Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính gắn với xây dựng dữ liệu không gian				
2.1	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền (thay thế không gian nền cũ)	xã	24	17	7
2.2	Xây dựng dữ liệu không gian địa chính (thay thế dữ liệu không gian địa chính cũ)	thửa	174.371	135.288	39.083
3	Xây dựng siêu dữ liệu địa chính	thửa	174.371	135.288	39.083
4	Tích hợp dữ liệu vào hệ thống	thửa	174.371	135.288	39.083
5	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL địa chính	thửa	174.371	135.288	39.083

7. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2024.

8. Tổng kinh phí thực hiện: **58.141.872.003 đồng** (Năm mươi tám tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm lẻ ba đồng), bao gồm:

I. Chi phí thực hiện dự án:	50.438.737.554	đồng
1. Chi phí xây dựng lưới địa chính:	261.025.986	đồng
2. Chi phí đo vẽ thành lập bản đồ địa chính:	41.261.742.388	đồng
3. Chi phí chỉnh lý bản đồ địa chính:	8.102.737.123	đồng
4. Cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính:	813.232.057	đồng
II. Chi phí khác:	2.437.580.277	đồng
1. Chi phí khảo sát, lập TKKT-DT:	333.817.770	đồng
2. Chi phí kiểm tra, nghiệm thu:	1.949.749.952	đồng
3. Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu:	154.012.555	đồng
III. Thuế giá trị gia tăng:	5.265.554.172	đồng
Tổng dự toán (I+II+III):	58.141.872.003	đồng

9. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh (Nguồn kinh phí sự nghiệp được giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường).

10. Phương thức thực hiện: Thực hiện theo quy định.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước Trà Vinh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Trà Cú; Chủ tịch UBND thị xã Duyên Hải và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT TT, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng: CNXD; KT, THNV;
- Lưu: VT, NN. 03

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện